

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23/8/2018
V/v Tuyên bố không công nhận quan
hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Duy Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận
2. Ông Nguyễn Thế Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình thụ lý số 141/2018/TLST - HNGĐ ngày 31/5/2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn S, sinh năm 1967.
2. *Bị đơn:* Chị Cao Thị P, sinh năm 1975

Đều có địa chỉ cư trú : Khu n, thị trấn TH, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn S trình bày:

Anh và chị Cao Thị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng, quan điểm và lối sống, tính tình không hợp. Anh

và chị P đã sống ly thân 8 năm không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đề nghị được ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh và chị P có ba con chung Trần Thị P1, sinh ngày 19/12/1992; Trần Thu H, sinh ngày 15/05/1998; Trần Duy K, sinh ngày 30/6/2004. Cháu P1, cháu H đã lập gia đình, anh không yêu cầu giải quyết. Cháu K chưa đủ 18 tuổi đang ở với mẹ. Anh và chị P thỏa thuận để chị P tiếp tục nuôi con chung, chị P không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/06/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Chị Cao Thị P xác nhận thời gian chung sống, con chung, tài sản chung như anh S khai là chính xác nhưng về thời gian phát sinh mâu thuẫn là từ năm 2010, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, anh S không quan tâm đến vợ con, chơi bời, phá tán tài sản gia đình dẫn đến nợ nần. Hai người sống ly thân khoảng 10 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay, anh S xin ly hôn, chị đồng ý. Về con chung, chị đề nghị được nuôi cháu Trần Duy K, tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố lời khai của anh S, chị P và một số tài liệu có trong hồ sơ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của Pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật phí, lệ phí năm 2015, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn S và chị Cao Thị P.

- Về con chung: Giao con chung Trần Duy K, sinh ngày 30/6/2004 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Chị P tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh S, chị P đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị P có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không đi đăng ký kết hôn là Hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Mặc dù, anh S khởi kiện xin ly hôn, nhưng không thể căn cứ các chế định ly hôn để xem xét và giải quyết, mà phải căn cứ vào chế định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh S và chị P quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình xem xét giải quyết mới phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Mặc dù quan hệ của anh S và chị P không được công nhận nhưng khi xem xét giải quyết về con chung, Hội đồng xét xử vẫn phải căn cứ vào Điều 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình để quyết định.

Đối với con chung Trần Thị P1, sinh ngày 19/12/1992; Trần Thu H, sinh ngày 15/05/1998 đã trưởng thành, có gia đình riêng không đặt ra giải quyết.

Đối với con chung Trần Duy K chưa đủ 18 tuổi, đang ở với chị P. Anh S và chị P thống nhất để chị P tiếp tục nuôi con, chị P tự nguyện không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con. Bản thân cháu K đề nghị xin được ở với mẹ. Thỏa thuận của anh S chị P không trái pháp luật và đạo đức xã hội phù hợp với nguyện vọng của cháu K được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Anh Trần Văn S phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Văn S và chị Cao Thị P.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Duy K, sinh ngày 30/6/2004 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Chị P tự nguyện không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000121 ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Anh S đã nộp đủ án phí sơ thẩm Hôn nhân gia đình.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà,
- Chi cục Thi hành án huyện Thanh Hà (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân thị trấn TH, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (khi bản án có hiệu lực pháp luật)
- Lưu hồ sơ,
- Lưu tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Duy Phú